

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2026/DS-PT

Ngày: 16/4/2026

V/v “Xác định phân di sản trong khối tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngọc Minh

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 601/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025, về việc “Xác định phân di sản trong khối tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2026/QĐ-PT ngày 17/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 207a/2026/QĐ-PT ngày 16/03/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H- Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số F, đường L, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: B, đường H, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Trịnh Thị T1.

- Ông Nguyễn Văn T2 - Sinh năm: 1961

- Ông Nguyễn Trọng Đ - Sinh năm: 1991

- Bà Nguyễn Thị T3 - Sinh năm: 1996

Cùng địa chỉ: C N, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị T4 – Sinh năm 1993; địa chỉ: A T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Phú C; Địa chỉ: Số A, đường T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:**

Tôi là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1544/QĐ-CCTHADS ngày 19/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar. Theo đó, ông Nguyễn Văn T2, bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3 và bà Nguyễn Thị T4 phải thanh toán cho tôi số tiền 1.490.674.000đồng trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại. Trong đó, gồm nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi là 390.674.000đồng. Về chi phí tố tụng: Ông T2, bà T1, ông Đ, bà T3, bà T4 phải trả cho tôi tiền tạm ứng chi phí giám định 7.000.000 đồng. Do người phải thi hành án không tự nguyện thi hành nên chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar đã xác minh thông tin di sản của bà T5 để lại. Theo kết quả xác minh cho thấy hiện bà T6 đang có phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, và tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 615799 UBND huyện Cư M'gar cấp ngày 21/01/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2 vừa qua, tôi nhận được Thông báo số 622/TB-CCTHADS ngày 13/02/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar. Với nội dung thông báo thì người phải thi hành án được biết căn cứ theo Điều 74 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar để yêu cầu xác định phần di sản của bà T5 để lại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo để có căn cứ giải quyết thi hành án. Ngoài ra, di sản của bà T5 còn hai Hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cổ phần B đã được công ty B chỉ trả cho bà Nguyễn Thị T4 (con ruột bà T5) với số tiền 467.969.000đồng. Vì vậy, nay để có cơ sở giải quyết yêu cầu thi hành án, tôi làm đơn này khởi kiện ông Nguyễn Văn T2, bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T7 và bà Nguyễn Thị T4. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar thụ lý, giải quyết xác định phần di sản của bà T5 trong khối tài sản chung là căn nhà, đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 015799 do UBND huyện C cấp ngày 21/01/2002 và phần di sản của bà T5 trong khoản tiền bảo hiểm 467.969.000 đồng mà bà T4 đã nhận để buộc bà T4 thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với tôi trong phạm vi di sản của bà T5 mà bà T4 đã nhận phần tài sản này trị giá khoảng 2.000.000.000 đồng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày:**

Đối với khoản tiền bảo hiểm được cơ quan bảo hiểm chi trả gia đình tôi đã sử dụng số tiền vào việc lo hậu sự cho bà T5 số tiền 227.000.000đồng và trả nợ số tiền vay ngân hàng S theo giấy chứng nhận nợ số 1022284005000 ngày 11/10/2022 số tiền vay là 1.000.000.000đ và tiền lãi là 99.728.200đ.

Về phần đất và tài sản trên đất:

Về đất: nguồn gốc đất là do bố mẹ tôi mua vào tháng 11/1983, thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận, sau khi mẹ tôi mất năm 1985 và bố tôi mất năm 1992 không để lại di chúc gì. Vào khoảng năm 2001 bà T5 tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc đó tôi đang là sỹ quan phục vụ trong quân đội mà không thông qua tôi và các anh chị em của tôi. Không hiểu sao giấy chứng nhận lại cấp cho hộ của tôi, tôi và bà T5 lập gia đình từ năm 1990 và cùng cư trú trên thửa đất của bố tôi mua chứ không phải do vợ chồng tôi sở hữu. Do đó, thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng tôi và không liên quan đến bà T5.

Đối với nhà trên đất: trước đây khi mua đất đã có 1 căn nhà để cha mẹ và anh em tôi sinh sống, đến năm 2003 gia đình tôi làm lại căn nhà để làm nơi thờ phụng ông, bà và sinh sống đến nay.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2025/HNGĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 217 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014

Áp dụng điểm ở Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

- Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T5 để lại ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 015799 được UBND huyện C cấp ngày 21/01/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn T2.

- Xác định số tiền 467.969.000đồng mà bà Nguyễn Thị T4 (con của bà T5) trực tiếp nhận tại Công ty cổ phần B là di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5.

Ngày 10/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm, không làm rõ ai là người cung cấp các tài liệu chứng cứ là bảng tổng hợp chi phí lo đám tang tổng cộng số tiền 227.000.000 đồng và số tiền 799.728.000 đồng ông Nguyễn Văn T2 nộp vào Ngân hàng S1 thể hiện tại Giấy nộp tiền ngày 04/10/2023. Không lập biên bản giao nộp chứng cứ hoặc đối chiếu với bản gốc là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Không đưa người làm chứng Công ty cổ phần B vào tham gia tố tụng để làm rõ số tiền 467.969.000 đồng. Không đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha, mẹ ông T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ về nguồn gốc hình thành tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.420m². Ông T2 cho rằng thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông T2 mua vào năm 1983 và sau khi bố mẹ ông mất thì bà T5 tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không hỏi ý kiến của ông và các anh em ông nên đây không phải là tài sản của vợ chồng ông và bà T5. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2025 thể hiện tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2003 diện tích 117m². Kết cấu móng xây đá hộc, nền lát gạch hoa, tường ốp gỗ, mái lợp tôn thiếc; sân xi măng + mái che. Nhà kho; cây trồng trên đất: 10 cây sầu riêng; 80 cây cau trồng năm 2023; 01 cây chôm chôm trồng năm 2003; 01 cây sung và 02 cây dứa; 01 giếng nước; hầm rút và một số công trình phụ trên đất. Tuy nhiên Bản án tuyên xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T5 để lại gồm ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09 nhưng không tuyên cụ thể gồm những tài sản nào trên đất là gây khó khăn cho công tác thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2, thấy:

Theo Bản án số 275/2024/DS-PT ngày 04/09/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì ông Nguyễn Văn T2, bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Trọng Đ, bà

Nguyễn Thị T3 và bà Nguyễn Thị T4 phải thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, nợ lãi là 390.674.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền chi phí giám định trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại. Bà Bùi Thị H làm đơn yêu cầu thi hành án, do người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án nên bà H yêu cầu Tòa án xác định phần di sản của bà T5 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 615799 được UBND huyện C cấp ngày 21/01/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2 và số tiền 467.969.000 đồng được Công ty cổ phần B chi trả trực tiếp cho bà Nguyễn Thị T4 (con ruột bà T5) sau khi bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để buộc người bị thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với bà H trong phạm vi di sản của bà T5.

Về nguồn gốc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 615799 Ủy ban nhân dân huyện Cư M'gar cấp ngày 21/01/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2: Tại hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thể hiện: Ngày 21/11/2000 ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thu T5 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T2 là người ký vào toàn bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi ông T2 và bà T5 thực hiện các nghĩa vụ tài chính thì đến ngày 22/01/2002 ông T2 và bà T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 thừa nhận ông và bà T5 kết hôn từ năm 1991, kể từ khi kết hôn đến nay gia đình ông sinh sống và canh tác trên đất. Ngoài gia đình ông ra thì không có anh chị em ruột nào khác của ông sinh sống trên đất và không có tranh chấp đất đai, nhà cửa. Các anh chị em đều có gia đình và đều ở riêng. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T2, bà T5 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại một số ngân hàng thì chỉ có ông T2 và bà T5 ký thế chấp, anh chị em ông T2 và cả ông T2 không có ý kiến gì và không xảy ra bất kỳ tranh chấp nào. Ông T2 cho rằng đây là tài sản do bố ông T2 nhận chuyển nhượng năm 1983, năm 1985 mẹ ông T2 mất, năm 1992 bố ông T2 mất không để lại di chúc, năm 2001 bà T5 tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định đây là tài sản của bố mẹ ông T2 để lại chứ không phải tài sản chung của hộ gia đình ông T2, bà T5 là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thu T5 mỗi người có ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 615799 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 21/01/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2 là đúng quy định. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể gồm những tài sản nào trên đất là thiếu sót nghiêm trọng cần rút kinh nghiệm. Tại biên bản thẩm định ngày 10/06/2024 tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2003, 01 sân xi măng mái che, 01 nhà kho, 10 cây sầu riêng, 80 cây cau, 01 cây sung, 02 cây dừa, 01 giếng, hàm rút, một số cây và công trình phụ khác. Đối với tài sản trên đất ông T2 thừa nhận do vợ chồng ông làm ra, riêng nhà kho tạm là ông cho con gái (chị T4) và con rể (anh C) làm

tạm để sử dụng chứa đồ đạc không có hợp đồng hay văn bản nào. Như vậy, toàn bộ tài sản trên đất là của ông T2 và bà T5 tạo lập trong khối tài sản chung hợp nhất nên cần tuyên cụ thể.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2024/DS - ST ngày 03/05/2024 của Toà án nhân dân huyện Cư Mgar và bản án phúc thẩm số 275/2024/DS - PT ngày 04/09/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xác định số tiền 467.969.000 đồng được Công ty cổ phần B chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với sự kiện tử vong của người được bảo hiểm Nguyễn Thị Thu T5 và bà Nguyễn Thị T4 (con của bà T5) trực tiếp nhận. Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm trên, Toà án nhân dân huyện Cư M'gar đã gửi công văn xác minh tại Công ty cổ phần B và được Công ty cổ phần B cung cấp thông tin Công ty đã chi trả quyền lợi bảo hiểm của người được bảo hiểm bà Nguyễn Thị T5 số tiền 467.969.000 đồng cho con ruột bà T5 là bà Nguyễn Thị T4, được ủy quyền từ hàng thừa kế thứ nhất và tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 xác nhận gia đình ông đã nhận số tiền này từ công ty bảo hiểm nên việc triệu tập Công ty cổ phần B vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không cần thiết. Tòa án sơ thẩm xác định số tiền 467.969.000 đồng là di sản của bà T5 để lại là có cơ sở.

Về việc thực hiện tố tụng của cấp sơ thẩm, Mặc dù cấp sơ thẩm có thiếu sót không lập biên bản giao nhận chứng cứ, không công khai chứng cứ là bảng tổng hợp chi phí lo đám tang tổng cộng số tiền 227.000.000 đồng và số tiền 799.728.000 đồng ông Nguyễn Văn T2 nộp vào Ngân hàng S1 thể hiện tại Giấy nộp tiền ngày 04/10/2023. Đối với những chứng cứ này không phải là tài sản của người chết để lại. Do đó việc thiếu sót này của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của việc giải quyết vụ án cũng như không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T2 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị H được nhận lại số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0014670 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk. (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đắk Lắk)

[3.2] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí giám định. Bà Bùi Thị H được nhận lại số tiền trên sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T2

[3.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T2 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Áp dụng Điều 217 Bộ luật dân sự năm 2015;*

- *Áp dụng Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*

- *Áp dụng Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014*

Áp dụng điểm ở Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H:

- Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T5 để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 09, diện tích 1420m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 015799 được UBND huyện C cấp ngày 21/01/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn T2.

Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2003, 01 sân xi măng mái che, 01 nhà kho, 10 cây sầu riêng, 80 cây cau, 01 cây sung, 02 cây dừa, 01 giếng, hầm rút, một số cây và công trình phụ khác.

- Xác định số tiền 467.969.000đồng mà bà Nguyễn Thị T4 (con của bà T5) trực tiếp nhận tại Công ty cổ phần B là di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí giám định. Bà Bùi Thị H được nhận lại số tiền trên sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T2.

[4] Về án phí.

[4.1] Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T2 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị H được nhận lại số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0014670 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đắk Lắk)

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T2 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 3;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My